

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà**

Năm báo cáo : **2010**

## **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

### **1. Những sự kiện quan trọng:**

- Việc thành lập: Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà là đơn vị thành viên của Tập đoàn Sông Đà - Bộ Xây Dựng. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18/10/2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09/12/2002 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thành lập Công ty cổ phần trên cơ sở tách từ Trạm bê tông thương phẩm của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.

- Niêm yết: Cổ phiếu của công ty đang giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

### **2. Quá trình phát triển**

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; bê tông thương phẩm;

+ Sản xuất lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;

+ Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông, đường bộ, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110KV; thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, điện lạnh....

+ Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng

+ Sản xuất kinh doanh que hàn

+ Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp

+ Sản xuất kinh doanh điện

+ Tư vấn giám sát xây dựng.

- + Trang trí ngoại thất công trình;
  - + Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
  - + Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát
  - + Sản xuất, mua bán xi măng
  - + Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt
  - + Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
  - + Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng
  - + Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp
  - + Kinh doanh bất động sản
  - + Đầu tư xây dựng công viên; Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi giải trí công cộng
  - + Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
  - + Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
  - + Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.
- Tình hình hoạt động: Năm 2010 Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, sản xuất kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập bình quân 4,8triệu đồng/người/tháng.

### **3. Định hướng phát triển**

#### *a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2011
- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động đạt 5triệu đồng/người/tháng trở lên; SXKD có hiệu quả, đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và cổ tức hàng năm.

- Đào tạo, tuyển dụng phát triển nguồn lực trong doanh nghiệp mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực quản lý giỏi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường.

*b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

\* Hoạt động xây lắp: Tập trung nhân lực, máy móc để triển khai, thi công Khu công nghiệp Yên Phong II - Bắc Ninh; Công trình Hồ Yên Sở - Hà Nội; Hồ Gươm Plaza; Viện công nghệ Môi Trường; Nhà ở N1 Cầu Giấy – Hà Nội; Khoan cọc nhồi Impyung; Trụ sở Công an quận Long Biên ... đúng tiến độ, chất lượng. Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán, giảm giá trị dở dang nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

\* Hoạt động đầu tư dự án:

- Tập trung hoàn tất thủ tục phê duyệt của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh quy hoạch và chuyển mục đích sử dụng trong quý 2 và quý 3 năm 2011 các dự án sau:

+ Dự án trường học tại Phú Mỹ - Từ Liêm – Hà Nội quy mô 1,5ha;

+ Dự án tổ hợp văn phòng và nhà ở tại đường Lê Đức Thọ kéo dài – Hà Nội diện tích khoảng 7 000m<sup>2</sup>;

+ Dự án tổ hợp văn phòng và nhà ở cao cấp tại Phú Mỹ - Từ Liêm – Hà Nội quy mô khoảng 1,94ha;

- Dự án khu công nghiệp Yên Phong II - Bắc Ninh giai đoạn 1 273ha tổng mức 2.111,8 tỷ đồng: Hoàn thành giải phóng mặt bằng, san lấp để bàn giao mặt bằng cho Tập đoàn KEOAN 40ha trong quý 2/2011 và 60ha trong quý 4/2011, lợi nhuận của 100ha dự kiến khoảng 80tỷ đồng.

- Dự án nhà thấp tầng tại Thành phố Bắc Ninh với quy mô khoảng 2.7ha tổng mức đầu tư khoảng 140tỷ đồng: Hoàn thành công tác đền bù và san lấp mặt bằng trong quý 2/2011. Xây dựng hệ thống hạ tầng, thực hiện bán khu biệt thự và liên kế 50% trong quý 4/2011 dự kiến lợi nhuận của dự án khoảng 20tỷ đồng.

- Dự án khu công nghiệp Quốc Tuấn – An Bình - Hải Dương quy mô 180ha tổng mức đầu tư khoảng 1.105tỷ đồng, thời gian thực hiện 5năm.

- Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở Đồng Khởi tại thành phố Biên Hoà Đồng Nai tổng mức đầu tư khoảng 140tỷ, trong đó giá trị xây lắp khoảng 65tỷ đến 70tỷ đồng (Công ty CP Xây dựng hạ tầng Sông Đà nắm giữ 54,84% vốn điều lệ)
- Dự án khu Trung tâm siêu thị tổng hợp SODONA tại 260B đường Phạm Văn Thuận, Thống Nhất, Biên Hoà, Đồng Nai (Công ty CP Xây dựng hạ tầng Sông Đà nắm giữ 54,84% vốn điều lệ): Liên doanh, liên kết hoặc chuyển nhượng một phần Dự án, dự kiến thu về khoảng 20tỷ đến 30tỷ đồng.
- Liên doanh, liên kết hoặc chuyển nhượng khu đất Văn phòng làm việc tại số 103 đường 30/4, Thanh Bình, Biên Hoà, Đồng Nai (Công ty CP Xây dựng hạ tầng Sông Đà nắm giữ 54,84% vốn điều lệ).
- Các dự án nhà ở và khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương và một số tỉnh khác.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty**

### **1. Kết quả hoạt động trong năm 2010:**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thực hiện năm 2010</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện so với KH</b>	<b>Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2009</b>
1	Giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đồng	516.694	79%	245%
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đồng	403.800	81%	257%
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đồng	48.400	69%	216%
4	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đồng	26.147	70%	203%
5	Thu nhập bình quân	10 <sup>3</sup> đồng	4,8	100%	115%

### **2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:**

- Tổ chức thành công niêm yết bổ sung 15.775.000 cổ phiếu Công ty vào ngày 17 tháng 09 năm 2010 trên sàn giao dịch chứng khoán Hà nội – HNX với mã chứng khoán SDH được nhiều nhà đầu tư quan tâm, có tính thanh khoản cao và khẳng định được vị thế và thương hiệu SICO của Công ty trên thị trường chứng khoán.
- Đảm bảo tiến độ thi công: Công trình Thủy điện Bản Vẽ, công trình Mỏ Lao, công trình Viện Công nghệ và môi trường, Trụ sở Công an quận Long Biên ...

### 3. Kế hoạch trong tương lai:

- Tiếp tục đầu tư các dự án tại Yên Phong - Bắc Ninh; tại Biên Hoà - Đồng Nai và Hà Nội.

- Kiện toàn công tác tổ chức các bộ phận phòng ban trong Công ty để nâng cao hiệu quả công việc, thực hiện luân chuyển cán bộ, tạo sự năng động hiệu quả trong quản lý điều hành Công ty.

### III. Báo cáo của Ban giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010

TT	Nội dung	ĐVT	Báo cáo Công ty mẹ	Báo cáo Hợp nhất
1	Khả năng sinh lời:			
	- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	22.94	9.92
	- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	7.98	6.70
2	Khả năng thanh toán:			
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2.34	2.29
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.90	1.87
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.11	0.10
3	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010	đồng/CP	29 295	29 890

- Những thay đổi về vốn cổ đông:

+ Số cổ phiếu đầu năm : 5.175 000 CP  
+ Số cổ phiếu tăng bổ sung trong năm : 15 775 000 CP  
Tổng Cộng : 20 950 000 CP

- Số lượng cổ phiếu theo từng loại:

+ Cổ phiếu phổ thông : 20 950 000 CP  
+ Cổ phiếu ưu đãi : 0 CP

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu phổ thông : 20 505 000 CP  
+ Cổ phiếu ưu đãi : 0 CP

- Số lượng cổ phiếu quỹ : 445 000 CP

- Cổ tức : 13%

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng giá trị SXKD: 516 694 triệu đồng đạt 79% kế hoạch năm

- Doanh thu : 403 800 triệu đồng đạt 81% kế hoạch năm

- Lợi nhuận : 48 400 triệu đồng đạt 69% kế hoạch năm

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch là do:

- Năm 2010 là một năm đầy biến động, nền kinh tế trong tình trạng bất ổn với tình hình lạm phát cao. Tỷ giá USD/VNĐ tăng cao, lãi suất ngân hàng, giá cả các loại vật tư, nhiên liệu trên thị trường liên tục tăng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD toàn đơn vị.

- Việc huy động vốn để đầu tư xây dựng cũng gặp nhiều hạn chế.

- Trong lĩnh vực đầu tư các dự án, công ty cũng gặp một số khó khăn như sau:

+ Dự án Khu công nghiệp Yên Phong II - Bắc Ninh: thực hiện 21,8 tỷ/95 tỷ (đạt 23%). Công tác giải phóng mặt bằng chậm tiến độ do các hộ dân chưa nhận thức đúng đắn về chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, còn nhiều kiến nghị về giá đền bù đất tại Bắc Ninh thấp hơn sơ với một số địa bàn lân cận như Đông Anh, Sóc Sơn.

+ Dự án Số 5 Lạc Long Quân: trong năm còn 02 hộ dân chưa giải phóng được do chưa thoả thuận được giá đền bù.

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

\* Công tác tổ chức, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp.

- Trong năm 2010, thành lập thêm phòng Đầu tư để triển khai thực hiện và quản lý các dự án đầu tư của Công ty.

- Tham gia góp vốn thành lập thêm 03 công ty con là: Công ty TNHH Sico- Đồng Bằng ( *Sico nắm giữ 53,33% vốn điều lệ*); Công ty CP Sông Đà Đồng Nai ( *Sico nắm giữ 54,84% vốn điều lệ*) và Công ty CP Sico- Thảo Điền (*Sico nắm giữ 55% vốn điều lệ*). Góp vốn liên kết với Công ty CPTM Nam Sài Gòn ( *Sico góp 15% vốn ĐL*).

-Thực hiện tinh giảm biên chế, sắp xếp lại nhân sự, bộ máy quản lý tại đơn vị trực thuộc như: Xí nghiệp xây lắp Sico 5, Sico 6 và công ty SicoInvest.

- Ổn định tổ chức, sắp xếp người có đủ năng lực và trình độ để quản lý phân vốn tại các công ty con như: Công ty TNHH SISO – Đồng Bằng, Công ty CP SISO Thảo Điền, Công ty CP Sông Đà Đồng Nai và BQL dự án Số 5- Lạc Long Quân.

\* Công tác quản lý vật tư – cơ giới:

- Đảm bảo nhu cầu năng lực xe máy cho các công trình để đáp ứng như cầu SXKD. Cụ thể các đầu xe máy, thiết bị hoạt động đạt 75-80% năng suất.

- Không để xảy ra tai nạn và sự cố máy móc thiết bị trong khi làm việc.

- Duy trì thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên xe máy, thiết bị đúng quy trình.

\* Công tác quản lý kỹ thuật:

- Theo dõi giám sát công tác quản lý chất lượng, kỹ thuật thi công theo biện pháp đã được lập.

- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành nội quy quy định về công tác an toàn lao động tại công trường, đề ra biện pháp xử lý phạt bằng tiền mặt những vi phạm về an toàn. Năm 2010 công ty đã chi phí về công tác ATLD cho người và thiết bị là 300 triệu đồng.

- Lập hồ sơ quản lý chất lượng, áp dụng đúng các thông tư nghị định của Chính phủ, Bộ xây dựng về hồ sơ nghiệm thu và hoàn công, thoả thuận với Chủ đầu tư về các giai đoạn nghiệm thu để thu vốn theo từng đợt.

\* Công tác Kinh tế - Kế hoạch:

- Xây dựng, thống nhất kế hoạch SXKD, kế hoạch doanh thu với các đơn vị để lập kế hoạch cho toàn Công ty sát với thực tế, giúp công tác quản lý và điều hành đạt hiệu quả.

- Xây dựng, điều chỉnh, ban hành các quy chế: Quy chế quản lý hợp đồng, quản lý đầu tư, quy chế tiền lương khoán cho các đơn vị trực thuộc và công ty thành viên.

- Tổ chức soạn thảo, ký kết và quản lý các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức, thực hiện việc đấu thầu các công trình. Quản lý hồ sơ dự thầu và trúng thầu của Công ty.

- Làm việc, đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt dự toán, quyết toán các công trình, kịp thời giải quyết các vướng mắc về kinh tế các công trình: Trạm nghiên Hiệp Phước, Trung tâm thương mại và VPCC Mỗ Lao.

\* Công tác Tài chính- Kế toán:

- Quan hệ với các Ngân hàng để huy động vốn đáp ứng cho nhu cầu SXKD và đầu tư. Lập kế hoạch tín dụng và đảm bảo việc chi trả các khoản nợ đúng hạn để giữ uy tín với các tổ chức tín dụng.

- Tích cực thu hồi vốn các công trình, tổ chức tốt nguồn vốn đảm bảo đáp ứng đủ cho hoạt động SXKD và công tác đầu tư.

- Thực hiện kiểm tra công tác tài chính các đơn vị nhằm chấn chỉnh, ngăn ngừa kịp thời việc vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Bộ tài chính.

- Phân công nhiệm vụ sắp xếp cán bộ, nhân viên của phòng, tạo điều kiện cho các cá nhân đi học để nâng cao trình độ chuyên môn.

\* Công tác đầu tư:

- Trong năm 2010 tiếp tục tìm kiếm và đẩy mạnh công tác đầu tư các dự án với định hướng phát triển công ty trở thành một nhà đầu tư bất động sản và khu công nghiệp chuyên nghiệp. Một số kết quả đã thực hiện được như sau:

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, liên doanh với một số đối tác để làm chủ đầu tư các dự án mới như: Dự án KCN Kim Bảng – Hà Nam với quy mô 300ha; Dự án khách sạn và nhà ở tại Vũ Ninh - Bắc Ninh với quy mô 2,7ha; Dự án văn phòng và nhà ở tại số 5 Lạc Long Quân - Cầu Giấy quy mô 21 tầng với diện tích xây dựng khoảng 1200m<sup>2</sup>; Dự án Chợ Lớn – 260B Phạm Văn Thuận – Biên Hoà - Đồng Nai và dự án Trung tâm thương mại Đồng Khởi – Biên Hoà - Đồng Nai do

Công ty CP Sông Đà Đồng Nai làm chủ đầu tư. Dự án KCN An Nhứt Tân 2, Khu nhà ở tái định cư tại Long An do Công ty SICO Thảo Điền làm chủ đầu tư.

- Đã thành lập phòng đầu tư vào tháng 8/2010. Xây dựng, hoàn thiện các quy chế nội bộ Công ty để quản lý và thực hiện các dự án đầu tư có hiệu quả.

\* Công tác Tổ chức – Lao động:

- Chấp hành đúng các quy định quản lý lao động hiện hành, lo đủ việc làm cho người lao động, thu nhập bình quân đạt 4,8trđ/tháng/người.

- Trong năm 2010 đã tuyển dụng 34 lao động ( Không tính ngắn hạn) trong đó: trình độ đại học: 20 người, cao đẳng: 04 người, trung cấp: 04 người, công nhân các ngành nghề: 06 người.

- Đảm bảo quyền lợi người lao động: tham gia các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho tất cả số lao động đã ký hợp đồng lao động. Giải quyết nâng lương, nâng bậc cho 66 CNCNV đủ tiêu chuẩn, chuyển công tác 07 người.

- Thường xuyên đôn đốc công tác ATLĐ nên trong kỳ không để xảy ra mất an toàn lao động nghiêm trọng, đã cấp đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động, đặt biển báo an toàn lao động tại các vị trí nguy hiểm.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

- Thi công phần việc còn lại của các hạng mục: Phần ngầm – Trung tâm thương mại và VPCC Mỗ Lao – Hà Đông; Phần thân – Tòa nhà Trung tâm Viện KHCN Việt Nam; Trụ sở làm việc Công an quận Long Biên và công trình Viện kỹ thuật nhiệt đới.

- Tham gia đấu thầu các gói thầu xây lắp mà Công ty đã tiếp thị như: Hạng mục phần thân – Trung tâm thương mại và VPCC Mỗ Lao – Hà Đông; Nhà ở cao tầng Nơ 1 - Cầu Giấy.

- Đối với dự án trọng điểm là KCN Yên Phong II - Bắc Ninh: Công ty sẽ tập trung cho công tác giải phóng mặt đất bù KCN Yên Phong II. Trong quý II/2011 sẽ giải phóng được 40ha và quý IV/2011 giải phóng 60ha còn lại. Riêng khu 2,7ha: trong quý II/2011 giải phóng xong toàn bộ, thực hiện đầu tư trong quý III/2010, đưa sản phẩm ra thị trường vào đầu quý IV/2011.

- Dự án Số 5 Lạc Long Quân: tập trung giải phóng 01 hộ dân còn lại, nộp tiền thuê đất và tiến hành khởi công trong đầu quý II/2011.

- Dự án KCN Kim Bảng – Hà Nam: Bồi thường GPMB khoảng 40ha/300ha.

- Dự án KCN Quốc Tuấn – An Bình: Bồi thường GPMB khoảng 30ha/186ha.

- Dự án KCN An Nhứt Tân và khu nhà ở tái định cư – Long An: Hoàn thành giải phóng mặt bằng 20ha khu Tái định cư.

- Triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo để khởi công dự án: Chợ lớn – 260B Phạm Văn Thuận – Biên Hoà - Đồng Nai và dự án Trung tâm thương mại - Đồng Khởi – TP Biên Hoà.



#### IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

##### 1. Báo cáo Tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán độc lập

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>				
	<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>290.544.832.022</b>	<b>188.406.723.115</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1.081.712.655</b>	<b>13.540.630.420</b>
1.	Tiền	111	1.081.712.655	13.540.630.420
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>15.899.569.934</b>	<b>0</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	15.899.569.934	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	129		
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>191.817.718.096</b>	<b>107.717.651.097</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	77.174.329.109	63.424.610.212
2.	Trả trước cho người bán	132	27.861.532.950	4.936.539.283
3.	Các khoản phải thu khác	135	88.459.795.639	40.272.790.420
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(1.677.939.602)	(916.288.818)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>57.840.746.461</b>	<b>32.225.604.454</b>
1.	Hàng tồn kho	141	57.840.746.461	32.225.604.454
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>23.905.084.876</b>	<b>34.922.837.144</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	67.631.410
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.367.946.424	1.018.242.715
3.	Thuế vào các khoản khác phải thu Nhà nước	154	517.038.481	0
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	18.020.099.971	33.836.963.019
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>160.233.697.827</b>	<b>59.841.526.040</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>81.101.629.436</b>	<b>41.582.664.317</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	65.473.533.886	16.221.191.335
	- Nguyên giá	222	76.503.837.242	23.883.895.144
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(11.030.303.356)	(7.662.703.809)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	3.132.222.122	5.617.852.607
	- Nguyên giá	225	9.447.915.818	12.383.613.631
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(6.315.693.696)	(6.765.761.024)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12.495.873.428	19.743.620.375
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>72.610.000.000</b>	<b>17.377.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	66.460.000.000	10.313.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.150.000.000	7.064.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>6.522.068.391</b>	<b>881.861.723</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.522.068.391	881.861.723
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>450.778.529.849</b>	<b>248.248.249.155</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>192.529.191.607</b>	<b>162.688.537.131</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>152.561.932.398</b>	<b>143.621.574.234</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	69.814.380.873	33.195.440.296
2. Phải trả người bán	312	34.499.323.071	55.242.716.442
3. Người mua trả tiền trước	313	5.575.032.568	11.121.901.262
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19.658.114.343	12.876.940.487
5. Phải trả người lao động	315	1.309.600.730	1.434.593.972
6. Chi phí phải trả	316	5.027.896.351	3.148.587.163
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15.847.670.620	27.108.132.170
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	829.913.842	(506.737.558)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>39.967.259.209</b>	<b>19.066.962.897</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	1.301.023.906	1.101.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	31.447.712.173	17.853.432.487
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	94.080.404	112.506.504
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	7.124.442.726	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>258.249.338.242</b>	<b>85.559.712.024</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>258.249.338.242</b>	<b>85.559.712.024</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	209.500.000.000	51.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	11.957.753.767	12.157.753.767
4. Cổ phiếu quỹ	414	(10.351.583.945)	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	8.388.595.860	3.492.441.177
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.779.030.907	1.070.087.999
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	35.975.541.653	17.089.429.081
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>450.778.529.849</b>	<b>248.248.249.155</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

		<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>158.012.060.476</b>	<b>82.118.528.826</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.190.162.699	954.546
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>156.821.897.777</b>	<b>82.117.574.280</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	115.280.976.108	65.540.763.408
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>41.540.921.669</b>	<b>16.576.810.872</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34.433.120.308	78.515.075
7. Chi phí tài chính	22	13.944.994.705	2.924.294.183
8 <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	10.648.779.884	2.499.886.120
9. Chi phí bán hàng	24		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21.656.938.265	8.904.693.798
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>	<b>40.372.109.007</b>	<b>4.826.337.966</b>
12. Thu nhập khác	31	7.482.445.545	28.556.981.584
13. Chi phí khác	32	1.555.203.415	11.380.988.520
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.927.242.130</b>	<b>17.175.993.064</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>46.299.351.137</b>	<b>22.002.331.030</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.323.809.484	4.869.101.231
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>35.975.541.653</b>	<b>17.133.229.799</b>

2. Báo cáo Tài chính kiểm toán sau hợp nhất

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>				
	<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>362.328.380.455</b>	<b>229.308.991.134</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3.466.450.026</b>	<b>13.745.823.028</b>
1.	Tiền	111	3.466.450.026	7.745.823.028
2.	Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>15.899.569.934</b>	<b>0</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	15.899.569.934	0
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>245.330.632.928</b>	<b>135.373.747.965</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	128.522.456.472	98.946.122.636
2.	Trả trước cho người bán	132	31.753.579.974	8.129.656.546
5.	Các khoản phải thu khác	135	86.781.754.584	29.243.788.701
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(1.727.158.102)	(945.819.918)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>67.959.885.226</b>	<b>40.600.125.314</b>
1.	Hàng tồn kho	141	67.959.885.226	40.600.125.314
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>29.671.842.341</b>	<b>39.589.294.827</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	557.516.344	67.631.410
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.805.915.512	1.857.672.398
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	650.964.225	0
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	22.657.446.260	37.663.991.019
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>172.684.837.575</b>	<b>57.868.540.456</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>140.147.110.015</b>	<b>48.473.469.280</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	85.145.386.510	20.446.309.626
	- Nguyên giá	222	108.777.909.494	33.565.379.038
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(23.632.522.984)	(13.119.069.412)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	3.132.222.122	5.617.852.607
	- Nguyên giá	225	9.447.915.818	12.383.613.631
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(6.315.693.696)	(6.765.761.024)

3. Tài sản cố định vô hình	227	38.100.000.000	0
- Nguyên giá	228	38.100.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13.769.501.383	22.409.307.047
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.150.000.000</b>	<b>7.064.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	7.064.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.150.000.000	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>11.468.936.832</b>	<b>2.331.071.176</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.545.962.698	1.457.029.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	922.974.134	874.041.543
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>14.918.790.728</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>535.013.218.030</b>	<b>287.177.531.590</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>233.419.676.750</b>	<b>198.556.265.608</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>193.384.602.847</b>	<b>179.489.302.711</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	73.587.405.445	36.692.493.285
2. Phải trả người bán	312	62.157.119.573	78.358.054.792
3. Người mua trả tiền trước	313	9.821.617.270	15.620.635.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22.635.991.625	15.827.130.396
5. Phải trả người lao động	315	2.191.991.961	2.088.716.953
6. Chi phí phải trả	316	7.130.269.156	7.524.402.722
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14.900.113.591	23.951.206.277
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	960.094.226	(573.337.558)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>40.035.073.903</b>	<b>19.066.962.897</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	1.301.023.906	1.101.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	31.447.712.173	17.853.432.487
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	157.395.098	112.506.504
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	7.128.942.726	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>256.941.379.521</b>	<b>84.185.649.558</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>256.941.379.521</b>	<b>84.185.649.558</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	209.500.000.000	51.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12.126.085.147	12.157.753.767
4. Cổ phiếu quỹ	414	(10.351.583.945)	0

7. Quỹ đầu tư phát triển	417	9.248.924.010	4.123.922.704
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	3.377.447.735	1.070.087.999
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	33.040.506.575	15.083.885.088
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>44.652.161.759</b>	<b>4.435.616.424</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>535.013.218.030</b>	<b>287.177.531.590</b>

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Năm 2010</b>				
CHỈ TIÊU	MS	NĂM 2010	NĂM 2009	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>362.541.434.997</b>	<b>140.386.621.328</b>	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.190.162.699	954.546	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>361.351.272.298</b>	<b>140.385.666.782</b>	
4. Giá vốn hàng bán	11	303.846.116.944	116.873.226.509	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>57.505.155.354</b>	<b>23.512.440.273</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34.053.347.190	95.542.005	
7. Chi phí tài chính	22	16.518.005.277	3.457.126.955	
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23	<i>13.221.790.456</i>	<i>3.457.126.955</i>	
8. Chi phí bán hàng	24	4.774.218.495	0	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28.500.582.071	11.489.325.765	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>	<b>41.765.696.701</b>	<b>8.661.529.558</b>	
11. Thu nhập khác	31	8.409.550.878	24.130.102.568	
11. Chi phí khác	32	1.798.524.137	10.441.674.711	
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.611.026.741</b>	<b>13.688.427.857</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>48.376.723.442</b>	<b>22.349.957.415</b>	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.363.478.754	5.541.764.928	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(48.932.591)	(874.041.543)	
<b>17 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>	<b>53</b>	<b>1.228.034.125</b>	<b>748.616.424</b>	
<b>18 Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>70</b>	<b>35.834.143.155</b>	<b>16.933.617.606</b>	
<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>80</b>	<b>2.627</b>	<b>3.272</b>	

## **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán độc lập**

**1. Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

### **2. Ý kiến kiểm toán độc lập:**

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

## **VI. Các công ty có liên quan**

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Sico : 15,3 tỷ đồng chiếm 51% VĐL
- Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà : 4,2 tỷ đồng chiếm 70% VĐL
- Công ty CP Sông Đà Đồng Nai : 38,96 tỷ đồng chiếm 54,84% VĐL
- Công ty TNHH Sico Đồng Bằng : 8 tỷ đồng chiếm 53,3% VĐL

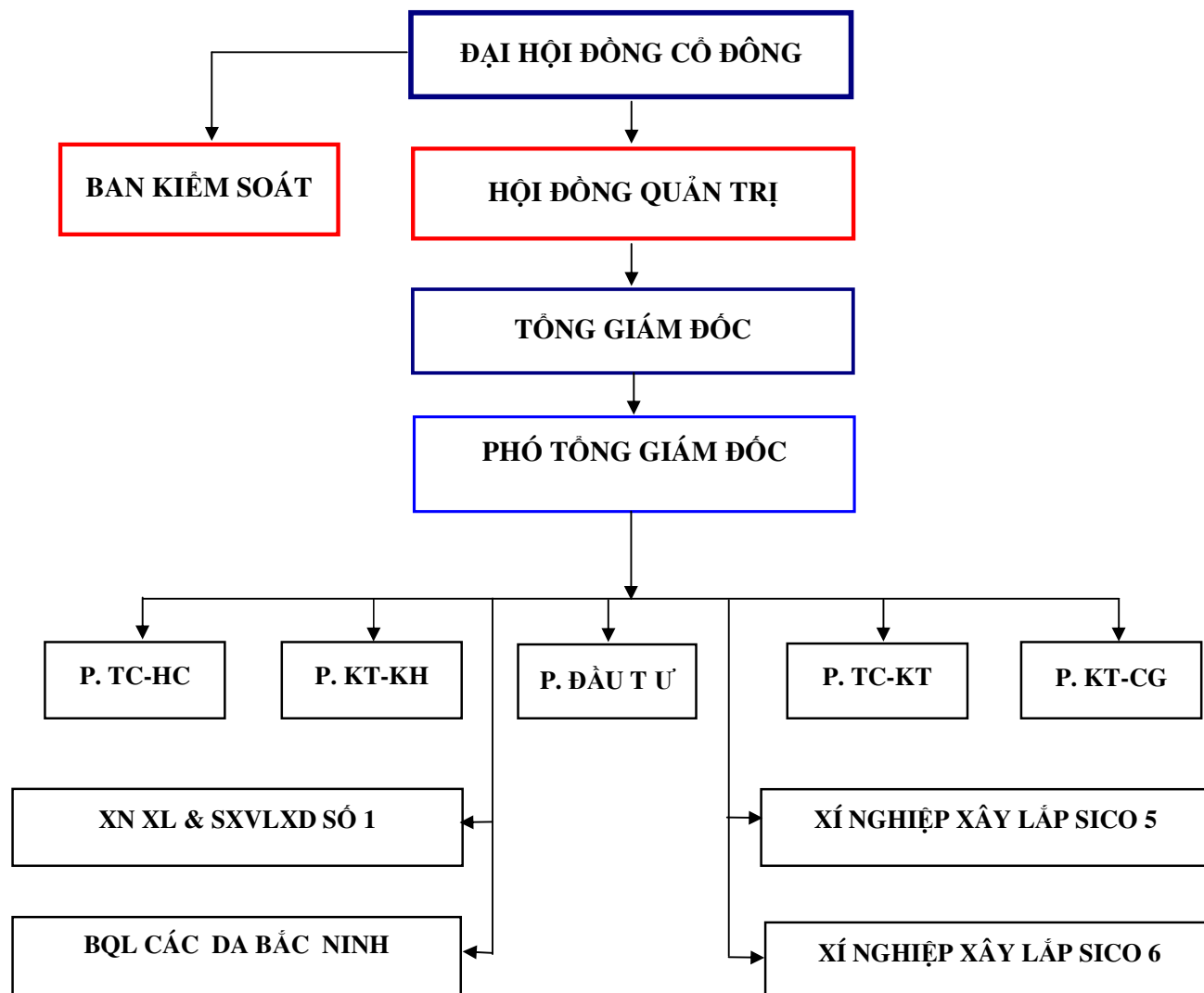
2. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn : 4,65 tỷ đồng chiếm 15% VĐL
- Công ty Cổ phần Sico Thảo Điền : 2,00 tỷ đồng chiếm 2% VĐL

## **VII. Tổ chức và nhân sự**

### **1. Cơ cấu tổ chức của công ty:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty được mô tả theo sơ đồ:



## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban tổng giám đốc điều hành:

**Tổng Giám đốc** : **V ù Văn Bắy**

Ngày sinh : 06/06/1962

Địa chỉ thường trú : P113 - Nhà E8 – Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : CN TCKT

Chức vụ hiện tại : CT HĐQT kiêm TGD – Cty CP XD HT Sông Đà.

**Phó Tổng giám đốc** : **Luu Tuấn Hùng**

Ngày sinh : 07/07/1961

Địa chỉ thường trú : P 308- Nhà T1, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Chức vụ hiện tại : UV HĐQT kiêm Phó TGD Cty CP XD HT Sông Đà.



**Phó Tổng giám đốc : Vũ Ngọc Long**

Ngày sinh : 01/01/1966  
Địa chỉ thường trú : Nhà 17- Ngõ 7, Đường Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : CN TCKT  
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Cty CP XD HT Sông Đà

**Phó Tổng giám đốc : Nguyễn Ngọc Lộc**

Ngày sinh : 20/09/1961  
Địa chỉ thường trú : P17 – K8 - Bách Khoa – Hai Bà Trưng - Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng  
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Cty CP XD HT Sông Đà kiêm Giám đốc XN XL Sico 5

**3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không**

**4. Quyền lợi của Ban tổng giám đốc Công ty CP Xây dựng hạ tầng Sông Đà:**  
Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác trong năm của Ban tổng giám đốc trong năm 2010 là: **1 298 094 658, đồng.**

**5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Số lượng cán bộ công nhân viên toàn công ty tính đến 31/12/2010 là 285 người, trong đó:

STT	Trình độ	Số lượng (người)
1	Trên đại học	3
2	Trình độ đại học	90
3	Trình độ cao đẳng	24
4	Trung cấp nghề	35
5	Sơ cấp, cán sự	02
6	Công nhân	105
7	Lao động	26
	<b>Tổng cộng</b>	<b>285</b>

**6. Chính sách đối với người lao động:**

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương khoán theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đề ra và căn cứ vào trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty thường

xuân đảm bảo tốt các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

### **7. Về công tác đào tạo:**

Công ty có chiến lược đào tạo khá cụ thể như đào tạo nâng bậc, đào tạo kèm cặp cho người lao động mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đăng ký tham gia những chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cho đội trưởng và các nhà quản trị cấp dưới, chương trình đào tạo về công tác kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật, về nghiệp vụ tư vấn giám sát.

### **8. Về chính sách khen thưởng:**

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

### **9. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2009**

- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: ông Nguyễn Công Thành thôi không giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát do điều kiện chuyên môn công tác. Bà Trần Thị Chung – Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 9 giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát mới theo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 bầu.

## **VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên, trong đó:

- + Ông Vũ Văn Bảy : Chủ tịch HĐQT
- + Ông Lưu Tuấn Hùng : Ủy viên HĐQT
- + Ông Trần Đại Tùng : Ủy viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)
- + Ông Nguyễn Văn Phúc : Ủy viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)
- + Ông Đặng Văn Thăng : Ủy viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Bà Trần Thị Chung : Trưởng ban (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Trần Quang Khải : Thành viên ban Kiểm soát

+ Bà Đỗ Thị Phượng : Thành viên ban Kiểm soát

- Hoạt động của HĐQT: Theo quy chế của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Lấy ngăn chặn, phòng ngừa làm mục tiêu chính; đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; góp phần làm cho sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh, đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2010 là 390 000.000, đồng, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được hưởng (Đồng)	Ghi chú
1	Lưu Tuấn Hùng	PCT HĐQT	60 000 000	
2	Trần Đại Tùng	UV HĐQT	60 000 000	
3	Nguyễn Văn Phúc	UV HĐQT	60 000 000	
4	Đặng Văn Thắng	UV HĐQT	60 000 000	
5	Trần Thị Chung	Trưởng BKS	60 000 000	
6	Trần Quang Khải	TV BKS	36 000 000	
7	Đỗ Thị Phượng	TV BKS	36 000 000	
9	Trần Văn Hùng	Thư ký HĐQT	18 000 000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>390 000 000</b>	

**2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan như sau:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm 2010		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 16/03/2011	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Vũ Văn Bảy		1.320.488	25.517	1.715.488	8.188
2	Vũ Thị Tám	Em ruột			4.000	0.019
3	Nguyễn Văn Phúc		0	0	10.000	0.048
4	Lưu Tuấn Hùng		75.875	1.446	85.875	0.410
5	Trần Đại Tùng		10.000	0.193	19.000	0.091
6	Trần Thị Thu Hà	Chị ruột	3.000	0.058	0	0.000
7	Đặng Văn Thăng		2.700	0.052	8.700	0.042
8	Vũ Ngọc Long		9.900	0.191	9.000	0.043
9	Nguyễn Ngọc Lộc		15.000	0.29	65.000	0.310
10	Trần Thị Chung		0	0	3.000	0.014
11	Đỗ Thị Phượng		5.000	0.097	7.500	0.036

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm 2010		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 16/03/2011	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
12	Trần Quang Khải		2.200	0.043	7.200	0.034
13	Chu Thị Ánh		0	0	6.000	0.029
14	Chu Thị Thu Trang	CĐL	350.700	6.777	1.528.900	7.298

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Ủy ban CK Nhà nước

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**  
**Chủ tịch HĐQT**  
*đã ký*

**Vũ Văn Bảy**